

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+MRM+TD2	7:25	3+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyen 1 MRM-TD2
2		CLO+P10+TD5	7:25	2+0+16	0+0+0		1+4+17	0+0+0	Chuyen 1 CLO- TD5
3		PPD+TD3	9:25	4+17	0+0		4+18	0+0	
4		P11+RP1+CTC1	9:25	17+5+0	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
5		TD2+P11	11:25	12+10	0+0		4+16	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM - 1	TO: TD1 - MRM - TD2	CREW: DUONG - HTRUNG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4442	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TUAN ANH	TD1	35	1	12			67	DVL	Vietnamese
2	DOAN PHUC HOANG	TD1	40-41	2	20			77	DVL	Vietnamese
3	DAO ANH HUYNH	TD1	33-34	2	15	4	59	67	DVL	Vietnamese
4	GONCHAROV SERGEY	TD2	98	1	12			100	KHOAN	Russian
5	HOANG VAN BAC	TD2				2	28	78	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUAN	TD2	88	1	4			85	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	95	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUNG HUNG	TD2	91	1	5			97	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUANG HUY	TD2	82-83	2	10			74	KHOAN	Vietnamese
10	VU THANH TUAN	TD2	86-87	2	16			92	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN MAI NAM	TD2	96	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN HAI	TD2	81	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN ANH UNG	TD2	84	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
14	MAI VAN HOANG	TD2	85	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
15	BUI THO DUONG	TD2	93-94	2	20			63	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN XUAN	TD2	92	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
17	LE VINH THUAT	TD2	97	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN NAM	TD2	89	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
19	DO XUAN VANG	TD2	80	1	2			79	KHOAN	Vietnamese
20	HO CHI CONG	TD2	90	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN TU	TD2	99	1	3			69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	3	211	5	47	4	59	0		
2	MRM	0	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 MRM - TD2
3	TD2	18	1.379	20	126	2	28	22		
TOTAL		21	1.590	25	173	6	87	22		
WEIGHT KG			1.590		173		87			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: xanh-1	TO: CLO - P10 - TD5	CREW: VTHẮNG - N.ANH - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4445	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TIÊN SINH	CLO	89	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
2	HỒ VĂN RỒN	CLO				2	40	76	KHOAN	Vietnamese
3	VU TRUNG KIEN*	P10	52	1	14			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA CUONG*	P10	53	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VO HONG QUAN	P10	48,50	2	14			82	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HUNG	TD5	66-67	2	8			70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VĂN KHAI	TD5	58	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	64	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
9	BUI ĐỨC TOAN	TD5	63	1	2			83	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DINH	TD5	61-62	2	8			83	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG TRUNG KIẾN	TD5	53,55	2	11			75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUỆ	TD5	65	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
13	TÔ THÀNH HUNG	TD5	60	1	2			58	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN MINH CÔNG	TD5	70	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	56-57	2	9			70	YTE	Vietnamese
16	HA MẠNH HAI*	TD5						73	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	59	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN CAO DANH	TD5	68	1	3	4	70	60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	75	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
20	ĐÀO QUANG MINH	TD5	69	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN MẠNH	TD5	54	1	9			79	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	2	142	1	8	2	40	1		chuyen 01 pax tu CLO-TD5
2	P10	3	228	4	42	0	0	4		
3	TD5	16	1.127	19	94	4	70	17		
TOTAL		21	1.497	24	144	6	110	22		
WEIGHT KG			1.497		144		110			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO: PPD - TD3	CREW: DUONG - HTRUNG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4443	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VAN TIEN DUAN	PPD	68-69	2	20	3	55	69	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM QUANG HUY	PPD	71	1	13	5	52	104	XAYLAP	Vietnamese
3	VÔ HOANG LAM	PPD	72	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI DUY TAN	PPD	70	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUNG	TD3	07	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC TUAN	TD3	09	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN CONG MINH	TD3	21	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN CANH THAC	TD3	08	1	3	3	40	68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU NHAN	TD3	12-13	2	8			70	KHOAN	Vietnamese
10	LE TU HOP	TD3	19	1	2			59	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN THANH	TD3	22	1	4			59	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MINH THUAN	TD3	15	1	9			59	DMC-MI	Vietnamese
13	PHAM NGOC DUNG	TD3	14	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN BIEN	TD3	26	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM XUAN HIEU	TD3	06	1	2			60	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM THANH DUNG	TD3	20	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG VIET	TD3	17-18	2	7			67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY CUONG	TD3	16	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TUYEN	TD3	11	1	7			61	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TIEN	TD3	10	1	5			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	4	308	5	59	8	107	4		
2	TD3	16	1.069	18	75	3	40	18		
TOTAL		20	1.377	23	134	11	147	22		
WEIGHT KG			1.377		134		147			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - RP1 - CTC1	CREW: VTHĂNG - N.ANH - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4446	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	FIRSOV EVGENII	P11	88	1	6			105	KHOAN	Russian
2	NGUYEN TAT THANH	P11	82	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN BINH	P11	83	1	8	1	15	76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY LINH	P11	90	1	7			92	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN DUC DUC	P11	87	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
6	LE THANH NGOC	P11	86	1	12			47	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGOC DO	P11	56-57	2	10			71	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRUONG	P11	99,800	2	10			85	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VAN THANH	P11	89	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THAI DUONG	P11	84	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
11	VU DUC THANH	P11	85	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	P11	79-80	2	14			78	KHOAN	Vietnamese
13	DINH NGOC HUNG	P11	98	1	9			66	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN THUYET	P11	92-93	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
15	LEU VAN DUOC	P11	94-95	2	17			54	XAYLAP	Vietnamese
16	LA KHAC HAO	P11	91	1	12			53	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN CUONG	P11	96-97	2	11			66	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM	RP1	07-08	2	14			86	CODIEN	Vietnamese
19	PHAM XUAN HAI	RP1	41-42	2	14	2	10	70	CODIEN	Vietnamese
20	HA MANH HOANG	RP1	62-63	2	12	1	5	70	CODIEN	Vietnamese
21	CAO XUAN DUNG	RP1	98	1	13	1	18	74	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN XUAN HOAN	RP1	43-46	4	20			56	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	17	1.167	23	156	1	15	14		
2	RP1	5	356	11	73	4	33	6		
3	CTC1	0	0	0	0	2	25	2		
TOTAL		22	1.523	34	229	7	73	22		
WEIGHT KG			1.523		229		73			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

NGO VAN THANG

NGHIEM VIET ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: TD2 - P11	CREW: LINH - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4444	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUƠNG ĐỨC MINH	TD2	46-47	2	14			64	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN THUY*	TD2						70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN GIN	TD2	54	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM TU ANH	TD2	38	1	11			70	CODIEN	Vietnamese
5	HỒ CHIÊN THẮNG	TD2	39	1	12			57	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG ĐỨC HAI	TD2	43,51	2	18	2	40	67	CODIEN	Vietnamese
7	HOANG HỮU TRỌNG*	TD2	55	1	14			68	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG ANH*	TD2	42	1	15	1	8	88	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN BA ĐỨC	TD2	56	1	13			90	DVL	Vietnamese
10	HOANG NHẬT ANH	TD2	36-37	2	16			52	T-TIN	Vietnamese
11	PHAN VĂN LÊ	TD2	52-53	2	10			68	T-TIN	Vietnamese
12	TRẦN CHÍNH CƯỜNG	TD2	48	1	9			73	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	P11	62	1	9			66	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN TÊ	P11	63	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN DUY AN	P11	60-61	2	19	2	36	66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	P11	65	1	16			74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRƯỜNG VĂN NGHĨA	P11	58-59	2	7			70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	P11	64	1	15			64	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN KIM	P11	67-68	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN NAM	P11	66	1	11			79	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ TIỀN QUÝ	P11	69	1	5			74	PSV	Vietnamese
22	MAI MINH TIẾN	P11	70	1	5			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	12	834	15	141	3	48	4		
2	P11	10	696	13	118	2	36	16		
TOTAL		22	1.530	28	259	5	84	20		
WEIGHT KG			1.530		259		84			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC